

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG



GIÁO TRÌNH
An toàn vệ sinh
công nghiệp

Nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

LỜI GIỚI THIỆU

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình đào tạo nghề “Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính” cũng như việc cung cấp tài liệu giúp cho sinh viên học tập, khoa Điện tử chúng tôi đã tiến hành biên soạn giáo trình “ An toàn vệ sinh công nghiệp ” .

Giáo trình này giúp các bạn có thêm kỹ năng:

- Vệ sinh thiết bị, máy móc đúng tiêu chu ẩn.
- Sử dụng thành thạo các thiết bị bảo hộ lao động.
- Sơ cứu khi bị điện giật.

Đây là công trình được viết bởi đội ngũ giáo viên đã và đang công tác tại trường TCN KTCN Hùng Vương cùng với sự góp ý và phản biện của các doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan, tuy vậy, cuốn sách chắc chắn vẫn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Quận 5, ngày tháng năm 2012

Biên soạn

Lê Huỳnh Quân

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC	TRANG
GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC	1
Bài 1: BẢO HỘ LAO ĐỘNG	3
1. Khái niệm chung.....	3
1.1.Mục đích ý nghĩa, tính chất của công tác Bảo hộ lao động (BHLĐ).....	3
1.2.Nội dung công tác bảo hộ lao động.....	5
1.3. Nội dung khoa học kỹ thuật.	7
1.4.Nội dung về pháp luật bảo hộ lao động.	8
2. Nội dung bảo hộ lao động và những quan điểm trong bảo hộ lao động.	9
2.1. Nội dung chủ yếu của bảo hộ lao động là an toàn lao động, vệ sinh lao động.	9
2.2. Những quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác bảo hộ lao động.	9
3. Hệ thống pháp luật và các quy định về bảo hộ lao động.....	10
3.1. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành năm 1992.	10
3.2. Bộ Luật lao động và các luật khác, pháp lệnh có liên quan đến an toàn - vệ sinh lao động	10
3.3. Một số luật, có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động	11
3.4. Hệ thống các văn bản quy định của chính phủ, của các bộ ngành chức năng và hệ thống các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, hệ thống các quy định an toàn lao động theo nghề và công tác	12
4. Quản lý nhà nước về bảo hộ lao động	12
4.1. Công tác thanh tra, kiểm tra bảo hộ lao động	12
4.2. Khai báo, điều tra tai nạn lao động.....	12
CÂU HỎI ÔN TẬP	13
Bài 2: VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT	14
1. Khái niệm về vệ sinh lao động.....	14
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh lao động.	14
1.2. Nội dung của khoa học vệ sinh lao động bao gồm:	14
1.3. Phân loại các tác hại nghề nghiệp	14
2.Điều kiện lao động và các yếu tố nguy hiểm có hại trong lao động.....	15
2.1.Điều kiện lao động.....	15

2.2.Các yếu tố nguy hiểm có hại trong lao động.....	16
3. Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động	16
3.1. Biện pháp kỹ thuật công nghệ:.....	16
3.2. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh:.....	16
3.3.Biện pháp phòng hộ cá nhân:.....	16
3.4.Biện pháp tổ chức lao động khoa học:	16
3.5.Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe:	16
4.Cấp cứu khi bị nhiễm độc, bỏng.	17
4.1. Xử trí và chăm sóc bỏng nói chung:	17
4.2. Xử trí và chăm sóc 1 số trường hợp bỏng đặc biệt:.....	19
Bài 3: KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG.	21
1.Các nguyên nhân gây chấn thương	21
1.1.Khái niệm.....	21
1.2.Các yếu tố và nguyên nhân gây tai nạn.....	22
1.3.Những biện pháp của kỹ thuật an toàn.....	24
2.Các biện pháp và kỹ thuật an toàn cơ bản.....	24
2.1.Thiết bị che chắn an toàn	24
2.2.Thiết bị và cơ cấu phòng ngừa.....	25
2.3.Các cơ cấu điều khiển và phanh hãm.....	26
2.4.Kiểm nghiệm, dự phòng thiết bị	28
3.Sơ cấp cứu khi bị chấn thương.....	28
3.1.Nguyên tắc chung sơ cấp cứu.	28
3.2.Các bước sơ cấp cứu.....	29
4.Kỹ thuật băng bó vết thương.....	31
4.1. Mục đích:	31
4.2. Nguyên tắc.	31
4.3. Các loại băng.....	32
4.4. Các kiểu băng cơ bản.....	33
4.5.Cách cố định băng trước khi kết thúc.....	37
Bài 4: KỸ THUẬT AN TOÀN ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ MẠNG	39

1.Tác hại của dòng điện.....	39
1.1.Khái niệm dòng điện.....	39
1.2.Các tác hại do dòng điện gây ra.	39
2. Các dạng tai nạn điện.....	39
2.1. Các chấn thương do điện.....	40
2.2.Điện giật.	40
3.Kỹ thuật an toàn điện.....	40
3.1. Các thiết bị bảo hộ sử dụng an toàn điện.....	40
3.2.Các bước chuẩn bị trước khi thao tác với dòng điện.....	41
4.Các thiết bị mạng và đặc điểm.	41
4.1. Các loại cáp truyền	41
4.2. Các thiết bị ghép nối.....	43
5.Cấp cứu người bị điện giật.....	44
5.1.Cách ly nạn nhân khỏi nguồn điện.	44
5.2.Sơ cứu khi điện giật.....	44
CÂU HỎI ÔN TẬP	44
TÀI LIỆU THAM KHẢO	45

GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC

Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí môn học: Là môn học cơ sở; được bố trí ở học kỳ II; học trước các môn chuyên ngành.
- Tính chất môn học: Kiểm tra.

Mục tiêu của môn học

1. Kiến thức chuyên môn:

- Nắm được các kiến thức căn bản về an toàn lao động
- Nắm được các biện pháp phòng chống cháy nổ, sét, bão lụt, giạt điện, an toàn dữ liệu

2. Kỹ năng nghề:

- Vệ sinh thiết bị, máy móc đúng tiêu chuẩn.
- Sử dụng thành thạo các thiết bị bảo hộ lao động.
- Sơ cứu khi bị điện giật.

3. Thái độ lao động:

- Bình tĩnh, tự tin khi thao tác trên các thiết bị điện, điện tử.

4. Các kỹ năng cần thiết khác:

- Cẩn thận khi tiếp xúc với các công việc có độ nguy hiểm cao.

Nội dung của môn học

1. Bảo hộ lao động
2. Vệ sinh lao động trong sản xuất
3. Kỹ thuật an toàn và băng bó vết thương
4. Kỹ thuật an toàn điện và thiết bị mạng

Bài 1: BẢO HỘ LAO ĐỘNG

1. Khái niệm chung

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, nó tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, xã hội, gia đình và bản thân mỗi người lao động. Bất cứ một chế độ xã hội nào, lao động của con người cũng là một trong những yếu tố quyết định nhất, năng động nhất trong sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ người lao động. Xây dựng giàu có, tự do dân chủ cũng là nhờ người lao động. Tri thức mớ mang, cũng nhờ lao động. Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ xã hội loài người".

Trong quá trình lao động tạo ra của cải vật chất cho xã hội, con người luôn phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ và môi trường... Đây là một quá trình hoạt động phong phú, đa dạng và rất phức tạp, vì vậy luôn phát sinh những mối nguy hiểm và rủi ro... làm cho người lao động có thể bị tai nạn hoặc mắc bệnh nghề nghiệp, vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để hạn chế được tai nạn lao động đến mức thấp nhất. Một trong những biện pháp tích cực nhất đó là giáo dục ý thức bảo hộ lao động cho mọi người và làm cho mọi người hiểu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

1.1. Mục đích ý nghĩa, tính chất của công tác Bảo hộ lao động (BHLĐ)

1.1.1. Mục đích

Một quá trình lao động có thể tồn tại một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại. Nếu không được phòng ngừa, ngăn chặn, chúng có thể tác động vào con người gây chấn thương, gây bệnh nghề nghiệp, làm giảm sút, làm mất khả năng lao động hoặc gây tử vong. Cho nên việc chăm lo cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo nơi làm việc an toàn, vệ sinh là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác bảo hộ lao động, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lao động, nhằm mục đích:

- Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc không để xảy ra tai nạn trong lao động.
- Đảm bảo cho người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt gây nên.
- Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động.

1.1.2. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động

a- Ý nghĩa chính trị

Bảo hộ lao động thể hiện quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Một đất nước có tỷ lệ tai nạn lao động thấp, người lao

động khỏe mạnh, không mắc bệnh nghề nghiệp là một xã hội luôn luôn coi con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn được bảo vệ và phát triển. Công tác bảo hộ lao động làm tốt là góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống người lao động, biểu hiện quan điểm quần chúng, quan điểm quý trọng con người của Đảng và Nhà nước, vai trò của con người trong xã hội được tôn trọng.

Ngược lại, nếu công tác bảo hộ lao động không tốt, điều kiện lao động không được cải thiện, dễ xảy ra nhiều tai nạn lao động nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

b- Ý nghĩa xã hội

Bảo hộ lao động là chăm lo đời sống, hạnh phúc của người lao động. Bảo hộ lao động là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Các thành viên trong mỗi gia đình ai cũng mong muốn khỏe mạnh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp được nâng cao để cùng chăm lo hạnh phúc gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

Bảo hộ lao động đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, mọi người lao động khỏe mạnh, làm việc có hiệu quả và có vị trí xứng đáng trong xã hội, làm chủ xã hội, tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Khi tai nạn lao động không xảy ra thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội.

c- Ý nghĩa kinh tế

Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Trong lao động sản xuất nếu người lao động được bảo vệ tốt, điều kiện lao động thoải mái, thì sẽ an tâm, phấn khởi sản xuất, phấn đấu để có ngày công, giờ công cao, phấn đấu tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Do vậy phúc lợi tập thể được tăng lên, có thêm điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân người lao động và tập thể lao động.

Chi phí bồi thường tai nạn là rất lớn đồng thời kéo theo chi phí lớn cho sửa chữa máy móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu...

Tóm lại an toàn là để sản xuất, an toàn là hạnh phúc của người lao động, là điều kiện đảm bảo cho sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

1.1.3. Tính chất

Bảo hộ lao động có 3 tính chất:

a- Tính pháp luật

Tất cả những chế độ, chính sách, quy phạm, tiêu chuẩn của nhà nước về bảo hộ lao động đã ban hành đều mang tính pháp luật. Pháp luật về bảo hộ lao động

được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong sản xuất, nó là cơ sở pháp lý bắt buộc các tổ chức nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi người tham gia lao động phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện.

b- Tính khoa học - kỹ thuật

Mọi hoạt động trong công tác bảo hộ lao động từ điều tra, khảo sát điều kiện lao động, phân tích đánh giá các nguy hiểm, độc hại và ảnh hưởng của chúng đến an toàn vệ sinh lao động cho đến việc đề xuất và thực hiện các giải pháp phòng ngừa, xử lý khắc phục đều phải vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành hoặc tổng hợp nhiều chuyên ngành.

Ví dụ: Muốn chống tiếng ồn phải có kiến thức về âm học, muốn cải thiện điều kiện lao động, nặng nhọc và vệ sinh trong một số ngành nghề phải hiểu và giải quyết nhiều vấn đề tổng hợp phức tạp liên quan đến kiến thức khoa học nhiều lĩnh vực như thông gió, chiếu sáng, cơ khí hóa, tâm sinh lý học lao động... đồng thời với nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người lao động phải có kiến thức chuyên môn kỹ thuật để sản xuất, muốn sản xuất có hiệu quả và bảo vệ được tính mạng, sức khỏe, an toàn cho bản thân, thì phải hiểu biết kỹ về công tác bảo hộ lao động. Như vậy công tác bảo hộ lao động phải đi trước một bước.

c- Tính quần chúng

Tính quần chúng thể hiện trên hai mặt:

Một là, bảo hộ lao động liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất, họ là người vận hành, sử dụng các dụng cụ, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu nên có thể phát hiện được những thiếu sót trong công tác bảo hộ lao động, đóng góp xây dựng các biện pháp ngăn ngừa, đóng góp xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn vệ sinh lao động.

Hai là, dù cho các chế độ chính sách, tiêu chuẩn quy phạm về bảo hộ lao động có đầy đủ đến đâu, nhưng mọi người (từ lãnh đạo, quản lý, người sử dụng lao động đến người lao động) chưa thấy rõ lợi ích thiết thực, chưa tự giác chấp hành thì công tác bảo hộ lao động cũng không thể đạt được kết quả mong muốn.

1.2.Nội dung công tác bảo hộ lao động

Công tác bảo hộ lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

Kỹ thuật an toàn;

Vệ sinh an toàn;

Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

1.2.1. Kỹ thuật an toàn

Kỹ thuật an toàn là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động. Để đạt được mục đích phòng ngừa tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động, trong quá trình hoạt động sản

xuất phải thực hiện đồng bộ các biện pháp về tổ chức, kỹ thuật, sử dụng các thiết bị an toàn và các thao tác làm việc an toàn thích ứng.

Tất cả các biện pháp đó được quy định cụ thể trong các quy phạm, tiêu chuẩn, các văn bản khác về lĩnh vực an toàn.

Nội dung kỹ thuật an toàn chủ yếu gồm những vấn đề sau:

Xác định vùng nguy hiểm;

Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn;

Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng: Thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo hộ cá nhân.

1.2.2- Vệ sinh lao động

Vệ sinh lao động là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người lao động. Để ngăn ngừa sự tác động của các yếu tố có hại, trước hết phải nghiên cứu sự phát sinh và tác động của các yếu tố có hại đối với cơ thể con người, trên cơ sở đó xác định tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các yếu tố trong môi trường lao động, xây dựng các biện pháp vệ sinh lao động.

Nội dung của vệ sinh lao động bao gồm:

- Xác định khoảng cách về vệ sinh
- Xác định các yếu tố có hại cho sức khỏe
- Giáo dục ý thức và kiến thức vệ sinh lao động, theo dõi quản lý sức khỏe.
 - Biện pháp vệ sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.
 - Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh: Kỹ thuật thông gió, thoát nhiệt, kỹ thuật chống bụi, chống ồn, chống rung động, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xạ, điện từ trường...

Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

1.2.3- Chính sách, chế độ bảo hộ lao động

Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động chủ yếu bao gồm: Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý và cơ chế quản lý công tác bảo hộ lao động. Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động nhằm bảo đảm thúc đẩy việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, biện pháp về vệ sinh lao động như chế độ trách nhiệm của cán bộ quản lý, của tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động, các chế độ về tuyên truyền huấn luyện, chế độ thanh tra, kiểm tra, chế độ về khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo về tai nạn lao động... Những nội dung của công tác bảo hộ lao động nêu trên là rất lớn, bao gồm nhiều công việc thuộc nhiều lĩnh vực công

tác khác nhau, hiểu được nội dung của công tác bảo hộ lao động sẽ giúp cho người quản lý đề cao trách nhiệm và có biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động đạt kết quả tốt nhất.

1.3. Nội dung khoa học kỹ thuật.

Nội dung khoa học kỹ thuật chiếm một vị trí rất quan trọng, là phần cốt lõi để loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại, cải thiện điều kiện lao động. Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động là lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của nhiều ngành khoa học khác nhau, từ khoa học tự nhiên (như toán, vật lý, hoá học, sinh học ...) đến khoa học kỹ thuật chuyên ngành và còn liên quan đến các ngành kinh tế, xã hội, tâm lý học ...

Những nội dung nghiên cứu chính của Khoa học bảo hộ lao động bao gồm những vấn đề:

- Khoa học vệ sinh lao động (VSLĐ).

VSLĐ là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động, tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp và nâng cao khả năng lao động cho người lao động.

Nội dung của khoa học VSLĐ chủ yếu bao gồm :

- Phát hiện, đo, đánh giá các điều kiện lao động xung quanh.
- Nghiên cứu, đánh giá các tác động chủ yếu của các yếu tố môi trường lao động đến con người.
- Đề xuất các biện pháp bảo vệ cho người lao động.

Để phòng bệnh nghề nghiệp cũng như tạo ra điều kiện tối ưu cho sức khỏe và tình trạng lành mạnh cho người lao động chính là mục đích của vệ sinh lao động.

+ Cơ sở kỹ thuật an toàn

Kỹ thuật an toàn là hệ thống các biện pháp, phương tiện, tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm gây chấn thương sản xuất đối với người lao động.

+ Khoa học về các phương tiện bảo vệ người lao động

Ngành khoa học này có nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo những phương tiện bảo vệ tập thể hay cá nhân người lao động để sử dụng trong sản xuất nhằm chống lại những ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm và có hại, khi các biện pháp về mặt kỹ thuật an toàn không thể loại trừ được chúng. Ngày nay các phương tiện bảo vệ cá nhân như mặt nạ phòng độc, kính màu chống bức xạ, quần áo chống nóng, quần áo kháng áp, các loại bao tay, giày, ủng cách điện... là những phương tiện thiết yếu trong lao động.

+ Ecgonômi với an toàn sức khoẻ lao động

Ecgonômi là môn khoa học liên ngành nghiên cứu tổng hợp sự thích ứng giữa các phương tiện kỹ thuật và môi trường lao động với khả năng của con người về giải phẫu, tâm lý, sinh lý nhằm đảm bảo cho lao động có hiệu quả nhất, đồng thời bảo vệ sức khoẻ, an toàn cho con người. Ecgonômi tập trung vào sự thích ứng của máy móc, công cụ với người điều khiển nhờ vào việc thiết kế, tuyển chọn và huấn luyện. Ecgonômi tập trung vào việc tối ưu hoá môi trường xung quanh thích hợp với con người và sự thích nghi của con người với điều kiện môi trường. Ecgonômi coi cả hai yếu tố bảo vệ sức khoẻ người lao động và năng suất lao động quan trọng như nhau. Trong Ecgonômi người ta thường nhấn mạnh tới khái niệm nhân trắc học Ecgonômi tức là quan tâm tới sự khác biệt về chủng tộc và nhân chủng học khi nhập khẩu hay chuyển giao công nghệ của nước ngoài.

1.4. Nội dung về pháp luật bảo hộ lao động.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng lao động, gọi chung là người sử dụng lao động và mọi người lao động, kể cả tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động hoặc lao động trên lãnh thổ Việt Nam, đều phải thực hiện việc bảo hộ lao động theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 2

Nhà nước chăm lo việc bảo đảm cho người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội có trách nhiệm phối hợp chăm lo, bảo vệ quyền của người lao động làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh.

Điều 3

Mọi người lao động có quyền được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh và có nghĩa vụ thực hiện những quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 4

Người sử dụng lao động có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh và không ngừng cải thiện điều kiện lao động của người lao động.

Điều 5

Mọi người lao động, người sử dụng lao động phải có hiểu biết về bảo hộ lao động, về các tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động liên quan đến công việc, nhiệm vụ của mình.

Điều 6

Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động là tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động áp dụng cho nhiều ngành trong phạm vi cả nước do Hội đồng bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng bộ trưởng uỷ quyền ban hành.

Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động áp dụng riêng trong một ngành do cơ quan Nhà nước quản lý ngành đó ban hành phù hợp với những tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động do Hội đồng bộ trưởng ban hành.

Điều 7

Việc nghiên cứu khoa học - kỹ thuật bảo hộ lao động, việc sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các loại dụng cụ thiết bị, phương tiện bảo vệ người lao động được Nhà nước khuyến khích bằng các chính sách, biện pháp thích hợp.

2. Nội dung bảo hộ lao động và những quan điểm trong bảo hộ lao động.

2.1. Nội dung chủ yếu của bảo hộ lao động là an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2.2. Những quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác bảo hộ lao động.

Bảo hộ lao động luôn là một chính sách kinh tế, xã hội quan trọng của Đảng và Nhà nước, những quan điểm đã được thể hiện trong sắc lệnh số 29/SL ngày 12 tháng 3 năm 1947 trong hiến pháp năm 1959, hiến pháp năm 1992, pháp lệnh bảo hộ lao động năm 1994 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật lao động năm 2002.

Con người là vốn quý nhất của xã hội

Con người vừa là động lực vừa là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Bảo hộ lao động là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Người lao động là động lực của quá trình sản xuất, là yếu tố quyết định của sự phát triển xã hội.

Bảo hộ lao động phải được thực hiện đồng thời với quá trình tổ chức lao động.

Ở đâu, khi nào có hoạt động lao động thì ở đó, khi đó phải tổ chức công tác bảo hộ lao động theo đúng phương châm: "Bảo đảm an toàn để sản xuất, sản xuất phải đảm bảo an toàn lao động". (Trích dẫn chỉ thị số 132CT/TU ngày 13 tháng 3 năm 1959 của Ban Bí thư TƯ Đảng Lao động Việt Nam Khóa 2).

Các tính chất cơ bản của công tác bảo hộ lao động:

- Tính pháp lý
- Tính KHKT
- Tính quần chúng

Ba tính chất trên liên quan mật thiết với nhau và hỗ trợ lẫn nhau.

Người sử dụng lao động và người lao động

- Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm chính trong việc bảo hộ lao động cho người lao động. Nhà nước bảo hộ quyền được bảo hộ lao động của người lao động và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động thông qua pháp luật về bảo hộ lao động.
- Chỉ trên cơ sở đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hai chủ thể trong quan hệ lao động mới nâng cao được nghĩa vụ của mỗi bên trong công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ sức lao động.
- Các quan điểm của Đảng và nhà nước về công tác bảo hộ lao động đã được thể chế thành pháp luật, thông qua một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Hệ thống pháp luật và các quy định về bảo hộ lao động

Trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật về bảo hộ lao động nói riêng đã được các cấp các ngành hết sức quan tâm. Vì vậy đến nay Nhà nước ta đã có một hệ thống văn bản pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động tương đối đầy đủ.

Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động và liên quan đến bảo hộ lao động bao gồm:

3.1. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành năm 1992

(đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số: 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10)

- Điều 56 của hiến pháp quy định:

Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức Nhà nước và những người làm công ăn lương; khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động.

- Các điều 39, 61, 63 quy định các nội dung khác về bảo hộ lao động.

3.2. Bộ Luật lao động và các luật khác, pháp lệnh có liên quan đến an toàn - vệ sinh lao động

Bộ Luật lao động của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 23/6/1994 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1995 quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất.

Vì vậy, Bộ luật lao động có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Trong bộ Luật lao động những chương liên quan đến an toàn vệ sinh lao động:

- Chương VII : Quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
- Chương IX : Quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Chương X : Những quy định riêng đối với lao động nữ.
- Chương XI : Những quy định riêng đối với lao động chưa thành niên và một số lao động khác.
- Chương XII : Những quy định về bảo hiểm xã hội.
- Chương XVI : Những quy định về thanh tra Nhà nước về lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

3.3. Một số luật, có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động

a- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, ban hành năm 1989

- Quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động phải chăm lo, bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho người lao động.
- Phải tạo điều kiện cho người lao động được điều dưỡng, nghỉ ngơi, phục hồi chức năng lao động.
- Phải thực hiện đúng các tiêu chuẩn vệ sinh lao động, phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động
- Nghiêm cấm việc làm ô nhiễm các nguồn nước sinh hoạt, tránh làm ô nhiễm đất, nước và không khí...

b- Luật bảo vệ môi trường, ban hành năm 2005

- Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường.
- Luật này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên lãnh thổ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của luật này thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

c- Luật công đoàn ban hành năm 1990

Trong luật công đoàn quy định trách nhiệm và quyền hạn của công đoàn trong công tác bảo hộ lao động, từ việc phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động đến trách nhiệm tuyên truyền giáo dục công tác bảo hộ lao động cho người lao động, kiểm tra việc chấp hành luật pháp bảo hộ lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động...

3.4. Hệ thống các văn bản quy định của chính phủ, của các bộ ngành chức năng và hệ thống các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, hệ thống các quy định an toàn lao động theo nghề và công tác

Cùng với các nghị định của Chính phủ, các thông tư, quyết định của các bộ, ngành chức năng, hệ thống các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, các quy trình về an toàn bao gồm: Tiêu chuẩn, quy phạm cấp Nhà nước, Tiêu chuẩn, quy phạm cấp ngành; Nội quy, quy định của đơn vị sản xuất ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động.

4. Quản lý nhà nước về bảo hộ lao động

4.1. Công tác thanh tra, kiểm tra bảo hộ lao động

Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hộ lao động ở nước ta được thực hiện dưới các hình thức: Thanh tra Nhà nước, kiểm tra của cấp trên với cấp dưới; tự kiểm tra của cơ sở và việc kiểm tra, giám sát của tổ chức Công đoàn các cấp.

1- Hệ thống thanh tra Nhà nước về bảo hộ lao động ở nước ta hiện nay gồm:

Thanh tra về An toàn lao động đặt trong Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra về vệ sinh lao động đặt trong Bộ Y tế. Các hệ thống này có nhiệm vụ thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hộ lao động của tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động. Thanh tra viên có quyền xử lý tại chỗ các vi phạm, có quyền đình chỉ hoạt động sản xuất ở những nơi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động hoặc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2- Các cấp ở địa phương hoặc ngành trong phạm vi quản lý của mình cần tiến hành các đợt kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về bảo hộ lao động đối với cơ sở.

3- Các cơ sở phải định kỳ tiến hành tự kiểm tra về bảo hộ lao động để đánh giá tình hình, phát hiện những sai sót, tồn tại và đề ra các biện pháp khắc phục để cho công tác bảo hộ lao động được thực hiện tốt theo quy định của luật Công đoàn và pháp lệnh bảo hộ lao động, tổ chức Công đoàn các cấp có quyền tiến hành kiểm tra giám sát các ngành, các cấp tương ứng, người sử dụng lao động, người lao động trong việc chấp hành pháp luật bảo hộ lao động. Đồng thời Công đoàn cấp trên tiến hành việc kiểm tra cấp dưới trong hoạt động bảo hộ lao động.

4- Ngoài các hình thức thanh tra, kiểm tra nêu trên, Liên bộ và Tổng Liên đoàn lao động cũng như các sở và Liên đoàn Lao động địa phương hoặc các cấp dưới còn tiến hành các đợt kiểm tra liên tịch đối với các ngành, địa phương, cơ sở trong việc thi hành pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.

4.2. Khai báo, điều tra tai nạn lao động

Công tác khai báo, điều tra tai nạn lao động là hết sức quan trọng, bởi vì nó nhằm mục đích phân tích, xác định được các nguyên nhân tai nạn lao động trên cơ sở đó đề ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các trường hợp tai nạn tương tự tái diễn, đồng thời để phân rõ trách nhiệm đối với những người liên quan đến tai nạn. Tất cả các trường hợp tai nạn xảy ra đối với người lao động (Không phân biệt trong biên chế hay hợp đồng tạm tuyển, hợp đồng dài hạn hay ngắn hạn) trong